

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 09- 01-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Hồng Nga.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 985/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; thường trú: Khu phố P, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Tống Thành Q, sinh năm 1972; thường trú: Khu phố P, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Tống Thành Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có làm giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã B (nay là phường B) thị xã K, tỉnh Bình Dương (giấy chứng nhận kết hôn số 124 quyền số 04 cấp ngày 21/8/2003). Từ khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, do ông Q sống không có trách nhiệm với bà T

và các con, ông Q đam mê bài bạc dẫn đến phải bán tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của ông Q trả nợ. Nay bà T xác định tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn với ông Q.

- *Về con chung*: Bà T và ông Q có 02 người con chung Tổng Minh P, sinh ngày 19/9/1991 và Tổng Mỹ H, sinh ngày 22/12/1999. Do P, H đã trưởng thành và lập gia đình riêng, bà T không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

- *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Tổng Thành Q*: Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập ông Q yêu cầu cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào ngày 25/12/2018, 09/01/2019 nhưng ông Q vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông Q do Tòa án tiến hành ngày 05/12/2018, chính quyền địa phương phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin như sau: Bà T và ông Q trước khi nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án bà T không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chính quyền địa phương không nắm rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Xét, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà T là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn ông Tổng Thành Q tham gia phiên tòa vào các ngày 25/12/2018 và 09/01/2019, ông Q vắng mặt không lý do. Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T và ông Tổng Thành Q có chứng nhận kết hôn tại UBND xã B (nay là phường B) thị xã K, tỉnh Bình

Dương giấy chứng nhận kết hôn số 124 quyền số 04 cấp ngày 21/8/2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông Q là hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T* : Qua trình bày của bà T thể hiện giữa bà và ông Tống Thành Q trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q không chăm lo đến bà T và các con trong gia đình, bản thân ông Q đam mê bài bạc dẫn đến phải bán tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của ông Q để trả nợ.

Tại đơn đề nghị xem xét giải quyết ngày 30/10/2018 của anh Tống Minh P, chị Tống Mỹ H là con của bà T, ông Q trình bày việc ông Q thường xuyên đánh bạc, không chăm lo gia đình, khi thua bạc ông Q thường áp lực để bà T phải bán tài sản trả nợ đồng thời có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn giữa bà T và ông Q.

Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Qua yêu cầu của bà T thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông Q không đạt được, khi Tòa án thụ lý vụ án, triệu tập ông Q cũng không đến qua đó cho thấy ông Q cũng không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Tống Thành Q.*

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Tống Thành Q (giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã B (nay là phường B), thị xã K, tỉnh Bình Dương cấp số 124, quyền số 04 cấp ngày 21/8/2003)

2. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020135 ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị T và ông Tổng Thành Q vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND p B, tx Dĩ An (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

Nguyễn Minh Hoàng

